

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 701/2023/HC-PT

Ngày: 22/9/2023

V/v: *Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 504/2023/ TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10438/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; địa chỉ: Số X ngõ T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trương Quốc H và luật sư Nguyễn Thị Quỳnh T - Văn phòng luật sư I, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng X, số Y đường T, phường T2, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người bị kiện:** UBND quận H, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số Z đường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Quang H, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1958, có mặt;
- Ông Nguyễn Gia K, sinh năm 1987, vắng mặt;
- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1991, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số X ngõ T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông H: Ông Nguyễn Gia T, sinh năm 1958, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Gia T: Luật sư Trương Quốc H và luật sư Nguyễn Thị Quỳnh T - Văn phòng luật sư I, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng X, số Y đường T, phường T2, quận H, thành phố Hà Nội, có mặt.

- UBND phường T1, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc H, Phó Chủ tịch UBND phường T1, có mặt.

- Hợp tác xã nông nghiệp Đ, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số T phố T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Khắc H, Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người khởi kiện trình bày:

Ngày 20/10/2016, UBND quận H ban hành Quyết định số 4117/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ 33,57m² đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị X và công trình xây dựng trên đất tại số X ngõ T, phường T1, quận H, thành phố Hà Nội để mở rộng Trường tiểu học T, đồng thời ban hành Quyết định số 4118/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường số tiền 10.358.173 đồng về nhà ở và công trình trên đất. Tuy nhiên, bà X không đồng ý với việc bồi thường bằng tiền và yêu cầu phải bồi thường bằng đất cho gia đình bà, với lý do:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 528 cấp năm 1956 của ông Nguyễn Viết Lan đã đổi cho gia đình chồng bà (cụ Trần Thị V) năm 1958; quá trình sử dụng, canh tác ao đến năm 1990 thì gia đình cụ V được HTX Đ đồng ý ký hợp đồng để cho gia đình cụ thuê khoán toàn bộ diện tích đất ao T trong thời hạn 10 năm kể từ năm 1990 đến năm 2000. Tuy nhiên, năm 1992, HTX Đ ra thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán trên, nhưng trên thực tế thì gia đình cụ V vẫn trực tiếp quản lý, sử dụng các diện tích đất ao này từ năm 1990 và đóng thuế đất hàng năm. Ngày 28/6/1999, cụ Trần Thị V đã viết giấy chuyển nhượng lại cho bà X diện tích đất này và gia đình bà thường xuyên sinh sống ổn định tại địa chỉ trên từ đó đến nay; việc gia đình bà quản lý sử dụng diện tích này không phải do lấn chiếm mà là thông qua mua bán hợp pháp. Do đó, bà X đã khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của

UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, phương án chi tiết đối với bà và xem xét bồi thường cho gia đình bà bằng đất.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:

Căn cứ Luật Đất đai 2013 và các nghị định của Chính phủ có liên quan về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 11/5/2006 của UBND quận H về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án: Mở rộng Trường tiểu học T, quận H; Văn bản số 1425/UBND-QLĐT ngày 21/11/2012 của UBND quận H về việc phê duyệt tổng mặt bằng và phương án kiến trúc sơ bộ công trình Mở rộng Trường tiểu học T; Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND quận H về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng Trường tiểu học T, quận H; Quyết định số 6992/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Mở rộng Trường tiểu học T, phường T1, quận H, UBND phường và tổ công tác GPMB phường T1 đã tiến hành các bước theo quy định như sau:

- Điều tra hiện trạng và xác minh nội dung kê khai đất đai, tài sản, nhân khẩu phục vụ công tác GPMB tại địa chỉ số X Ngõ T, phường T1, quận H ngày 27/6/2014 của tổ công tác phường T1 (bà Nguyễn Thị X ký xác nhận tại biên bản).

- Căn cứ điều 37 quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội, ngày 30/9/2016, UBND phường T1 có bản xác nhận sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi và về hộ gia đình, cùng một số nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống tại địa điểm thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng trường Tiểu học T, theo đó:

- + Về đất: Bà Nguyễn Thị X có tổng diện tích 33,57m², diện tích đất bị thu hồi là 33,57m² có nguồn gốc là đất ao T của HTX NN Đ; gia đình Bà X tự ý sử dụng; năm 2010 bà X xây dựng công trình trên đất là công trình không có giấy phép; bà X có nhà ở, đất ở khác (ngoài địa điểm nơi thu hồi đất) trong địa bàn phường.

- + Về nhà ở, công trình xây dựng không hợp pháp: Nhà G1 và nhà tạm xây dựng năm 2010, xây dựng không phép có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ biên bản điều tra khảo sát, xác nhận của UBND phường T1, Ban quản lý dự án, Ban bồi thường GPMB quận H đã xây dựng phương án BT, HT&TĐC, ngày 27/8/2016, UBND phường T có thông báo số 49/TB-UBND về việc niêm yết công khai phương án dự thảo BT, HT&TĐC đối với các hộ gia đình trong diện giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng trường tiểu học T

trong đó có hộ bà Nguyễn Thị X (hình thức công khai: tại trụ sở UBND phường T1, bản tin khu dân cư, đọc trên hệ thống loa truyền thanh phường và gửi trực tiếp đến từng hộ). Sau thời hạn niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT&TĐC, Ban bồi thường GPMB có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện phương án BT, HT&TĐC làm cơ sở trình Hội đồng BT, HT&TĐC thẩm định.

Ngày 19/9/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã họp và thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ GPMB đối với các hộ gia đình trong diện giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng trường Tiểu học T, phường T1, quận H trong đó có hộ bà Nguyễn Thị X.

Căn cứ Điều khoản 2 Điều 33 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội: Phòng Tài Nguyên và Môi trường quận có trách nhiệm tham mưu UBND quận H ban hành quyết định thu hồi đất, Ban Bồi thường GPMB có trách nhiệm tham mưu cho UBND ban hành quyết định phê duyệt phương án. Ngày 20/10/2016, UBND quận H đã có quyết định số 4117/QĐ-UBND ngày về việc thu hồi 414,76m² đất và quyết định số 4118/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT&TĐC đối với 15 hộ gia đình, cá nhân tại phường T1 để thực hiện dự án mở rộng trường Tiểu học T, phường T1, quận H, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi toàn bộ diện tích 33,57m² nhà đất; không bồi thường, hỗ trợ về đất và không tái định cư, tổng số tiền được nhận: **10.358.173 đồng**, cụ thể như sau:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất: Tổng diện tích 33,57m² đất theo xác nhận của UBND phường T1 có nguồn gốc đất ao T của HTX NN Đ; gia đình bà X tự ý sử dụng năm 2013 bà X xây dựng công trình trên đất là công trình không có giấy phép nên không bồi thường về đất.

- Về bồi thường, hỗ trợ tài sản: Nhà tạm mái tôn, nền gạch, tường 110, có khu phụ, diện tích 14,53m² sân lát xi măng diện tích 19,04m² xây dựng không có giấy phép năm 2013 áp dụng 10% mức bồi thường (theo Điều 14 Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội) = 10.358.173 đồng.

Ngày 27/10/2016, UBND phường T1 có thông báo số 67/TB-UBND về việc niêm yết công khai phương án BT, HT&TĐC đã được UBND quận phê duyệt và đã gửi đến các hộ gia đình, cá nhân trong diện thu hồi GPMB các Quyết định số 4117/QĐ-UBND, số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận.

Về việc nhận tiền và bàn giao mặt bằng: Ban quản lý dự án quận H đã 03 lần có thông báo về việc nhận tiền BT, HT&TĐC, thời gian bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng trường Tiểu học T, phường T1, quận H tại các thông báo số 1281/BQLDA ngày 04/11/2016, số 1313/BQLDA ngày 14/11/2016, số 1364/BQLDA ngày 23/11/2016, nhưng đến nay gia đình bà X chưa chấp hành việc nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Về việc giải quyết đơn thư khiếu nại: Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt dự án của UBND quận, hộ gia đình bà Nguyễn Thị X có đơn khiếu nại Quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016.

Ngày 18/01/2017, Chủ tịch UBND quận H có Quyết định số 150/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị X, theo đó “Giữ nguyên phương án chi tiết BT, HT&TĐC khi Nhà nước thu hồi đất (kèm theo quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận H) đối với người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị X, địa chỉ thu hồi đất số X Ngõ T, phường T1, quận H”.

Quá trình triển khai công tác GPMB đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị X đã được UBND quận H, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, HTXNN Đ trình bày:

HTXNN Đ (tiền thân là HTXNN T) được thành lập từ năm 1960. Theo điều lệ của HTXNN, khi vào HTX xã viên phải đóng góp ruộng đất, đóng cổ phần và các nông cụ chủ yếu cho HTX. Theo sổ bộ của HTXNN Đ, ao T do 04 hộ xã viên góp vào HTX, gồm:

- Ông Nguyễn Văn Đ, diện tích 01 sào, 7.4 thước = 537,6m² thuộc thửa đất số 19 và 117, tờ bản đồ số 50 khu Bạch Mai;

- Ông Nguyễn Viết L, diện tích 01 sào, 7.4 thước = 537,6m² thuộc thửa đất số 19 và 117, tờ bản đồ số 50 khu Bạch Mai;

- Ông Trần Đình S, diện tích 01 sào, 7.4 thước = 537,6m² thuộc thửa đất số 19 và 117, tờ bản đồ số 50 khu Bạch Mai;

- Bà Nguyễn Thị C, diện tích 01 sào, 7.4 thước = 537,6m² thuộc thửa đất số 19 và 117, tờ bản đồ số 50 khu Bạch Mai.

Diện tích ao T là 05 sào, 14.6 thước = 2.150.4m².

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1998 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, HTXNN Đ thực hiện giao khoán ruộng đất cho xã viên của HTXNN để canh tác.

Ngày 30/12/1990, HTXNN Đ ký hợp đồng khoán ao nuôi cá số 12/HĐ giao khoán cho xã viên, gồm: ông Bùi Văn M và bà Trần Thị V, ao cạnh trường T, diện tích 04 sào 11 thước, thời gian 10 năm từ 01/01/1991 đến hết ngày 31/12/2000.

Ngày 30/4/1991, HTXNN Đ ký hợp đồng đầu thầu ao nuôi cá số 21/HĐ, xã viên nhận đầu thầu là bà Trần Thị V và ông Bùi Văn M, thửa ao nằm trong trường học, diện tích 1 sào, thời gian 03 năm từ 01/5/1991 đến 30/4/1994.

Ngày 18/5/1992, HTXNN Đ họp đại hội xã viên, toàn thể đại hội xã viên nhất trí với Nghị quyết của hội nghị cán bộ ngày 12/5/1992, do ao nước thối không sản xuất được nên chuyển bà V sang nhóm khác để đảm bảo đời sống, bà V làm ao này thì con bà V lợi dụng lấn chiếm đất để làm nhà.

Theo Biên bản hội nghị cán bộ liên ngành của HTXNN Đ ngày 21/8/1992: ông Mạnh đồng ý giao lại diện tích ao trường học nhận đấu thầu với HTX theo tinh thần Đại hội xã viên ngày 18/5/1992, sau đó bà V có ý kiến không đi nhóm khác, xin lại cái lều (cả đất) để lấy kế sinh nhai, ý kiến này HTX không chấp nhận.

Căn cứ Nghị quyết đại hội xã viên của HTXNN Đ ngày 18/5/1992, Biên bản hội nghị cán bộ liên ngành của HTXNN Đ ngày 21/8/1992, cùng ngày 21/8/1992, HTXNN Đ đã ra thông báo hủy bỏ Hợp đồng đấu thầu số 21/HĐ ngày 30/4/1991 và Hợp đồng khoán ao nuôi cá số 12/HĐ ngày 30/12/1990 vì đã vi phạm các điều khoản chung trong hợp đồng đã ký kết, ông Bùi Văn M và bà Trần Thị V phải thu hồi cá, rau, lều cọc và các vật liệu khác để trả lại diện tích sản xuất cho HTX, thời gian chậm nhất là ngày 31/8/1992 phải hoàn thành việc bàn giao.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 09/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc hủy một phần quyết định hành chính số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận H - Hà Nội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét sơ thẩm, ngày 23/5/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X cho rằng các thủ tục góp đất của gia đình bà vào Hợp tác xã theo như ý kiến trình bày của đại diện Hợp tác xã, cụ thể như thế nào thì bà không biết, bà chỉ biết nguồn gốc đất là của gia đình bà có từ năm 1958 và gia đình bà trực tiếp sử dụng từ đó đến nay phần diện tích bị thu hồi là nằm ngoài diện tích góp vào Hợp tác xã. Do đó, khi Nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường đúng quy định, cụ thể là phải bồi thường diện tích đất tương đương, nên bà đề nghị sửa án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Luật sư bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng diện tích đất bị thu hồi và diện tích đất mà phía người bị kiện cho rằng gia đình bà X đã góp vào hợp tác xã là hai thửa đất khác nhau, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là chưa chính xác, do chưa thu thập đầy đủ chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm hủy án sơ thẩm để thu thập đầy đủ chứng cứ theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính của người bị kiện là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung quyết định hành chính là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/5/2023, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/12/2016, bà Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện Quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận H, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân tại Phường T1 trong diện GPMB để thực hiện dự án mở rộng trường Tiểu học T, phường T1, quận H, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị X bị thu hồi diện tích 33,57m² nhà đất, là quyết định hành chính do người có thẩm quyền ban hành trong quản lý hành chính Nhà nước về lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 150/2017/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Chủ tịch UBND quận H là quyết định hành chính có liên quan được xem xét trong cùng vụ án theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo nội dung như người bị kiện đã trình bày ở phần trên thì việc ban hành các quyết định hành chính của UBND và Chủ tịch UBND quận H, thành phố Hà Nội là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và diễn biến quá trình quản lý, sử dụng đất:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì diện tích đất gia đình bà X kê khai có nguồn gốc đất nông nghiệp của HTX Đ, nằm trên một phần ao thuộc hợp đồng giao khoán số 12 ngày 30/12/1990 do HTX Đ giao khoán cho hộ gia đình xã viên cụ Trần Thị V để sản xuất nông nghiệp. Quá trình sản xuất, gia đình cụ V đã vi phạm các điều khoản chung trong hợp đồng đã ký kết, nên Đại hội xã viên ngày 21/8/1992 đã nhất trí hủy Hợp đồng khoán ao số 12/HĐ ngày 30/12/1990, đồng thời ban hành Thông báo số 21/HĐ ngày 30/4/1991 về việc hủy bỏ hợp đồng số 12 nêu trên đối với gia đình cụ V và thu hồi lại diện tích ao để quản lý. Thông báo thu hồi ao nêu trên đã được gửi cho xã viên, cụ Trần Thị V đã ký nhận thông báo nhưng vẫn sử dụng đất từ đó đến nay. Năm 2010, ông Nguyễn Gia T (con cụ V và là chồng bà X) xây dựng không phép trên đất nông nghiệp của HTX Đ, nên đã bị UBND phường T1 lập hồ sơ vi phạm. Đồng thời, quá trình giải quyết đơn xin lại đất ao đã góp vào HTX của gia đình cụ V thì các cơ quan Nhà nước đã nhiều lần trả lời cụ V với nội dung không giải quyết yêu cầu đòi lại ao của gia đình cụ.

Ngoài ra, theo nội dung đơn của cụ V ghi ngày 14/10/1994 gửi lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng quận H và Chủ nhiệm HTXNN Đ về việc đề nghị xin lại quyền sử dụng đất, thể hiện thì khi gia nhập HTX gia đình cụ đã góp 2.520m² ruộng đất, đề nghị HTXNN Đ xét trả lại cho cụ diện tích ao cạnh trường Tiểu học T mà ngày 30/12/1990 cụ đã ký hợp đồng nhận khoán ao nuôi cá với HTX.

Theo Văn bản số 81-KT/CCT ngày 25/6/1995 của Chi cục Thuế quận H về việc trả lời đơn phản ánh của cụ V đề ngày 01/6/1995, thể hiện thì cụ là xã viên lâu năm của HTXNN Đ, đã ký hợp đồng nhận khoán ao nuôi cá với HTX trong thời gian là 10 năm từ 1991 đến 2000. Năm 1991, đã chấp hành nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, từ năm 1992 không thấy HTX đến thu thuế. Ngoài ra, còn có nội dung thể hiện gia đình cụ V phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp trên diện tích canh tác là 04 sào 11 thước theo Hợp đồng khoán ao nuôi cá số 12/HĐ ngày 30/12/1990 giữa cụ V và đại diện Ban quản lý HTXNN Đ, vì địa phương chưa thực hiện xong việc giao đất cho từng hộ nông dân nên gia đình cụ vẫn nộp thuế thông qua HTX, HTX nộp thuế chung trên toàn bộ diện tích đang quản lý.

Ngày 20/4/1999, UBND quận H có Văn bản số 143/CV-UB về việc giao trách nhiệm cho UBND phường T1 quản lý chặt chẽ hiện trạng quỹ đất nông nghiệp kèm theo sơ đồ các thửa đất theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997. Trong đó, ao T là thửa đất số 176 tờ bản đồ số 5H-II-27, diện tích 1.314,9m².

Tại văn bản số 455/VPĐKĐN ngày 14/3/2007 của Văn phòng đăng ký đất nhà Hà Nội, thửa đất số 176, 185 tờ bản đồ 5H-II-27 và thửa đất số 25 tờ bản đồ 5H-II-33 trước kia thuộc thửa đất số 19 và 117 tờ bản đồ 50 khu Bạch Mai là đất ao, đứng tên các chủ sử dụng là: Trịnh Lê S, Nguyễn Đình T, Nguyễn Đăng U, Trần Đình P, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Viết L.

Theo sổ bộ theo dõi tài sản xã viên HTXNN Đ năm 1960 và bản tự kê khai thời gian lao động sản xuất, tài sản đóng góp vào HTXNN Đ ngày 08/9/2001 của xã viên Nguyễn Gia S (là chồng cụ Trần Thị V), người viết hộ ký thay là bà Nguyễn Thị X (là con dâu cụ Suôi và cụ V) thể hiện thời gian gia đình đóng góp ruộng đất vào HTX là năm 1960.

Như vậy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như thừa nhận của người khởi kiện thì diện tích đất 33,57m² bà X đang sử dụng tại số X ngõ T, phường T1 là đất ao T đã được gia đình cụ V đưa vào HTXNN Đ từ năm 1960 và do HTXNN Đ quản lý. Việc gia đình bà X sử dụng đất và xây dựng các công trình trên đất là không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc cấp phép. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, việc bà Nguyễn Thị X cho rằng diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình bà là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2.2] Về chính sách bồi thường và hỗ trợ:

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Ngày 19/9/2016, UBND phường T1 xác nhận việc sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của hộ gia đình bà X. Tại mục II của Giấy xác nhận ghi: tổng diện tích đất 33,57m² thuộc thửa đất số 176(11), tờ bản đồ số 5H-II-27 có nguồn gốc đất ao T của HTXNN Đ; gia đình bà X tự ý sử dụng, năm 2013 bà X xây dựng công trình trên đất là công trình không có giấy phép. Tuy nhiên, tại điểm 1 mục IV Giấy xác nhận ghi “hiện đang có tranh chấp với HTXNN Đ”. Việc UBND phường T1 xác nhận về nguồn gốc đất của bà X tại văn bản ngày 19/9/2016 là có ghi đang có tranh chấp với HTXNN Đ, nên đã dẫn đến nội dung xác nhận về nguồn gốc đất bà X đang sử dụng tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (kèm theo quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận H là: “HTXNN Đ đang có ý kiến về phần diện tích 33,57m² là đất của HTX”). Tuy nhiên, việc xác định như trên không làm ảnh hưởng tới phương án, chế độ, chính sách trong phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

Ngoài ra, bà X còn xuất trình bản án hành chính năm 2007 của Tòa án nhân dân quận H, có nội dung tuyên hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường T1 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng của gia đình cụ V và buộc UBND phường T1 phải bồi thường số tiền 1.421.700 đồng cho cụ do cưỡng chế sai để chứng minh cụ V có quyền sử dụng đất hợp pháp. Tuy nhiên, bản án nêu trên chỉ xác định quyết định hành chính của Chủ tịch UBND phường T1 ban hành không đúng cả về nội dung và hình thức nên đã tuyên hủy quyết định đó; không có nội dung công nhận cụ V có quyền sử dụng đất hợp pháp nên việc bà X căn cứ bản án hành chính để xác định cụ V có quyền sử dụng đất hợp pháp là không có căn cứ chấp nhận.

Các tài liệu khác do bà X cung cấp như hồ sơ thi hành bản án hành chính, cũng như các biên lai thuế đất của gia đình bà V không phải là căn cứ để xác định bà X có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất này.

Những nhận định trên đây của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất các khoản bồi thường, hỗ trợ khác với số tiền 10.358.173 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật đất đai 2013, Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 20/6/2014; Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

[3.2.3] Đối với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận H:

Như các nội dung đã nhận định ở phần trên thì việc Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị X (lần đầu), giữ nguyên phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (kèm theo quyết định số 4118/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND quận H) đối với người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị X, địa chỉ thu hồi đất số X Ngõ T, phường T1, quận H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị X là không có cơ sở để chấp nhận, nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2023/HC-ST ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0001748 ngày 09/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Sỹ Hưng